

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 5 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Hà Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2021/QĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1995, địa chỉ: 442/1/43A BG, phường NAN, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Như H, sinh năm 1991; địa chỉ: 442/1/43A BG, phường NAN, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

(Bà L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc L trình bày:

Bà và ông Trần Như H quen biết nhau năm 2012, đến năm 2016, bà và ông H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đã được Ủy ban nhân dân Phường 10 cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 19-01-2016. Sau khi kết hôn, bà và ông H chung sống hạnh phúc, đôi khi cũng có mâu thuẫn nhỏ nhưng không căng thẳng. Đến năm 2018, vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, ông H thường xuyên ăn nhậu về

khuya hoặc đi qua đêm, không quan tâm đến vợ con. Hơn nữa, ông H còn chơi cờ bạc, số đề gây nợ nần, bà và gia đình ông H nhiều lần phải trả nợ thay cho ông H. Bà cũng đã khuyên bảo, đề nghị ông H sửa đổi để vợ chồng cùng nhau xây dựng kinh tế, nuôi dạy con cái nhưng ông H không thay đổi, dẫn đến tình cảm vợ chồng bà mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Tháng 7 năm 2019 đến tháng 3 năm 2020 thì bà và ông H ly thân, bà ra ngoài ở cùng con gái, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sau thời gian này, do gia đình hai bên nội ngoại tác động và bản thân cũng muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho ông H cơ hội sửa đổi nên bà quay về chung sống lại với ông H. Tuy nhiên, ông H vẫn không thay đổi nên từ tháng 10 năm 2020 đến nay, bà và con gái tiếp tục ra ngoài sinh sống và không còn chung sống cùng với ông H. Bà xác định không còn tình cảm với ông H, đề nghị Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Như H.

Về con chung, cấp dưỡng: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông H có 01 con chung tên Trần Hương Thảo, sinh ngày 28-8-2015, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc L vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày, yêu cầu khởi kiện ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Trần Như H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định nhưng nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình, kết quả xác minh của Tòa án, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Phạm Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Như H nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Trần Như H có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc L, bị đơn ông Trần Như H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 19-01-2016 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà L trình bày: Từ khi kết hôn, bà và ông H chung sống hạnh phúc, đôi khi cũng có mâu thuẫn nhỏ nhưng không căng thẳng. Đến năm 2018, vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, ông H thường xuyên ăn nhậu về khuya hoặc đi qua đêm, không quan tâm đến vợ con. Hơn nữa, ông H còn chơi cờ bạc, số đề gây nợ nần, bà và gia đình ông H nhiều lần phải trả nợ thay cho ông H. Bà cũng đã khuyên bảo, đề nghị ông H sửa đổi để vợ chồng cùng nhau xây dựng kinh tế, nuôi dạy con cái nhưng ông H không thay đổi, dẫn đến tình cảm vợ chồng bà mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 3 năm 2020 thì bà và ông H ly thân, bà ra ngoài ở cùng con gái, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sau thời gian này, do gia đình hai bên nội ngoại tác động và bản thân cũng muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho ông H cơ hội sửa đổi nên bà quay về chung sống lại với ông H. Tuy nhiên, ông H vẫn không thay đổi nên từ tháng 10 năm 2020, bà và con gái tiếp tục ra ngoài ở, bà không còn sống chung với ông H từ thời gian đó cho đến nay. Vì vậy, bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H.

Kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi bà L, ông H sinh sống có nội dung: Quá trình chung sống của bà L và ông H có xảy ra mâu thuẫn nhưng địa phương không nắm rõ nguyên nhân cụ thể vì bà L và ông H không trình báo và yêu cầu hòa giải. Hiện nay, bà L không sống chung với ông H. Những nội dung xác minh trên phù hợp với lời trình bày của bà L và cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông H là có thật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập ông H đến làm việc nhưng ông H không tham dự cũng như không có ý kiến phản hồi, cho thấy ông H không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà L và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H và giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu khởi kiện của mình, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L với ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Xét, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà L với ông H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng:

Bà L trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân, bà với ông H có 01 con chung là cháu Trần Hương Thảo, sinh ngày 28-8-2015. Trong thời gian sống chung cùng ông H, bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thảo. Những khoảng thời gian bà không sống chung với ông H thì bà cùng con gái Trần Hương Thảo lưu trú tại địa chỉ: 167/9C Lưu Chí Hiếu, Phường 10 thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cuối tuần bà có đưa con gái về thăm ông H và ông bà nội cháu Thảo. Khoảng tháng 3 năm 2021 đến tháng 4 năm 2021, bà có cho cháu Thảo về ở cùng với ông H và ông bà nội, cuối tuần bà về thăm và đưa cháu Thảo đi chơi. Hiện nay, cháu Thảo đang sống cùng bà. Lời trình bày của bà L phù hợp với việc đăng ký lưu trú mà bà cung cấp cho Tòa án và cũng thể hiện việc cháu Thảo luôn được bà L chăm sóc nuôi dưỡng, kể cả thời gian bà cho cháu Thảo về ở cùng ông H và ông bà nội cháu Thảo thì bà cũng đến thăm nom con vào những ngày cuối tuần. Cháu Thảo được bà L nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, có điều kiện phát triển khỏe mạnh về thể chất và tinh thần.

Đối với ông H, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập ông H đến làm việc nhưng ông H không tham dự và không có ý kiến gì đối với các yêu cầu của bà L, trong đó có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của ông về vấn đề này.

Xét thấy, cháu Trần Hương Thảo còn nhỏ, là bé gái, được bà L là người chăm sóc nuôi dưỡng chính, cháu phát triển bình thường và đang ở với bà L. Vì vậy, việc bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hương Thảo sau khi vợ chồng ly hôn là phù hợp với thực tế, bảo đảm quyền lợi chính đáng của cháu Thảo. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, và sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc giao con chung Trần Hương Thảo cho bà L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phạm Thị Ngọc L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Như H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc L.

Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Ngọc L được ly hôn với ông Trần Như H.

Về con chung, cấp dưỡng: bà Phạm Thị Ngọc L với ông Trần Như H có 01 (một) con chung là Trần Hương Thảo, sinh ngày 28-8-2015 (ngày hai mươi tám, tháng tám, năm hai nghìn không trăm mười lăm). Bà L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hương Thảo cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ của con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Phạm Thị Ngọc L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Phạm Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0007774 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; bà Phạm Thị Ngọc L đã nộp xong án phí.

Ông Trần Như H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND Phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trà My